

Số: 2483 /QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ vào Quy chế số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của Phân hiệu Ninh Thuận, các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 12 tháng 06 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **522** sinh viên, trong đó bao gồm **506** sinh viên hệ Đại học chính quy, **14** sinh viên hệ Cao đẳng chính quy, **2** sinh viên hệ Vừa làm vừa học các ngành.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. uuu

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- P.TC-KHĐT (phối hợp thực hiện)
- Website Trường;
- Lưu: VPT, PQLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 2483 /QĐ-ĐHNL ký ngày 22/6/2026 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH15CK								
1	15118131	Dương Quốc Việt	18/06/1996	Nam	2.37	135	Trung bình	KS.NLU.2026.969
DH18OT								
1	18154107	Nguyễn Hữu Sum	14/02/2000	Nam	2.52	136	Khá	KS.NLU.2026.970
DH19CC								
1	19118246	Nguyễn Văn Toàn	10/10/2001	Nam	2.51	136	Khá	KS.NLU.2026.971
DH19CD								
1	19153056	Lê Văn Phong	01/07/2001	Nam	2.47	141	Trung bình	KS.NLU.2026.972
DH19CK								
1	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	14/02/2001	Nam	2.00	136	Trung bình	KS.NLU.2026.973
2	19118189	Lê Vĩnh Quang	19/03/2001	Nam	2.12	136	Trung bình	KS.NLU.2026.974
DH19NL								
1	19137077	Bùi Thành Trung	02/12/2001	Nam	2.36	136	Trung bình	KS.NLU.2026.975
DH19OT								
1	19154029	Nguyễn Việt Đức	08/10/2001	Nam	2.40	136	Trung bình	KS.NLU.2026.976
DH20CD								
1	20153141	Lê Vũ	15/02/2002	Nam	2.21	158	Trung bình	KS.NLU.2026.977
DH20NL								
1	20137110	Đinh Văn Quý	23/02/2001	Nam	2.05	158	Trung bình	KS.NLU.2026.978
DH20OT								
1	20154081	Nguyễn Phan Ngọc Anh	23/10/2002	Nam	2.20	158	Trung bình	KS.NLU.2026.979

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20TD								
1	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	Hung	Nam	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.980
2	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh	Hương	Nữ	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.981
3	20138063	Trần Đức	Lương	Nam	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.982
4	20138131	Huỳnh Minh	Thuận	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.983
DH21CC								
1	21118256	Lý Triệu	Huy	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.984
2	21118267	Huỳnh Thái	Khang	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.985
3	21118272	Đỗ Đăng	Khoa	Nam	2.37	158	Trung bình	KS.NLU.2026.986
4	21118374	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thắng	Nam	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.987
5	21118406	Phạm Văn	Trường	Nam	3.40	158	Giỏi	KS.NLU.2026.988
6	21118405	Nguyễn Sơn	Trường	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.989
DH21CD								
1	21153121	Phạm Đăng	Duy	Nam	2.21	158	Trung bình	KS.NLU.2026.990
2	21153041	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	2.13	159	Trung bình	KS.NLU.2026.991
3	21153030	Phạm Thành	Khang	Nam	2.53	159	Khá	KS.NLU.2026.992
4	21153043	Trương Ngọc	Lâm	Nam	2.10	158	Trung bình	KS.NLU.2026.993
5	21153152	Ngô Đức	Minh	Nam	2.23	159	Trung bình	KS.NLU.2026.994
6	21153163	Ngô Hoàng	Nhạc	Nam	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.995
7	21153177	Phan	Phước	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.996
8	21153072	Nguyễn Văn Vạn	Thọ	Nam	2.51	159	Khá	KS.NLU.2026.997
9	21153206	Huỳnh Minh	Triết	Nam	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.998
DH21CK								
1	21118315	Phan Thành	Nam	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1000
2	21118335	Nguyễn Trần Thanh	Phong	Nam	2.63	160	Khá	KS.NLU.2026.1001
3	21118255	Hồ Quốc	Huy	Nam	2.47	158	Trung bình	KS.NLU.2026.999

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21CKC								
1	21118202	Nguyễn Văn Đạt	23/08/2003	Nam	3.04	159	Khá	KS.NLU.2026.1002
2	21118277	Nguyễn Hoàng	16/10/2003	Nam	2.43	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1003
DH21NL								
1	21137064	Bùi Ngọc Khánh	03/11/2003	Nam	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1004
2	21137069	Dương Tiến	14/11/2003	Nam	2.29	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1005
3	21137070	Trương Ngọc Hải	03/11/2003	Nam	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.1006
4	21137082	Huỳnh Văn Huy	10/06/2003	Nam	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.1007
5	21137118	Nguyễn Hữu Phúc	15/12/2003	Nam	2.63	158	Khá	KS.NLU.2026.1008
6	21137161	Nguyễn Văn Truyền	07/10/2003	Nam	2.16	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1009
DH21OT								
1	21154121	Lê Hoàng Việt Anh	13/10/2003	Nam	2.57	158	Khá	KS.NLU.2026.1010
2	21154173	Nguyễn Minh Hiếu	16/07/2003	Nam	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.1011
3	21154217	Hồ Quốc Long	16/08/2003	Nam	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.1012
4	21154242	Nguyễn Minh Nghĩa	16/07/2003	Nam	2.74	158	Khá	KS.NLU.2026.1013
5	21154275	Trần Bình Phương	29/04/2003	Nam	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.1014
6	21154287	Hồ Nguyễn Hoài Sơn	16/07/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1015
7	21154094	Trịnh Ngọc Tâm	19/09/2003	Nam	3.05	158	Khá	KS.NLU.2026.1016
8	21154303	Mai Lê Xuân Tấn	08/02/2003	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1017
9	21154339	Trần Anh Trí	28/02/2003	Nam	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.1018
DH21RE								
1	21152032	Lưu Hoàng An	23/10/2003	Nam	2.31	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1019
2	21152060	Nguyễn Khắc Trung	03/04/2003	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1020
3	21152075	Trần Quốc Tấn	07/07/2003	Nam	2.67	159	Khá	KS.NLU.2026.1021
4	21152081	Lưu Thị Thanh Tiến	20/06/2003	Nữ	2.54	159	Khá	KS.NLU.2026.1022
5	21152091	Trần Hoàng Vũ	30/08/2003	Nam	2.40	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1023

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21RENT								
1	21152020	Lê Tấn Đạt	12/10/2003	Nam	2.62	159	Khá	KS.NLU.2026.1024
DH21TD								
1	21138091	Lê Quốc Bình	02/06/2003	Nam	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1025
2	21138159	Nguyễn Hải Phong	01/04/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1026
3	21138166	Nguyễn Thành Quốc	29/12/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1027
DH22CD								
1	22153088	Thái Nhựt Phong	16/02/2004	Nam	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.1028
Chăn nuôi Thú Y								
DH16DY								
1	16112478	Vũ Hoàng Anh	27/07/1998	Nam	2.26	165	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1029
2	16112701	Chí Nhựt Thắng	15/05/1997	Nam	2.77	165	Khá	BSTY.NLU.2026.1030
DH17DY								
1	17112169	Trần Văn Quốc	06/03/1999	Nam	2.42	165	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1031
2	17112175	Phạm Xuân Sác	11/11/1999	Nam	2.72	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1032
DH17TT								
1	17112268	Nguyễn Trần Đoàn Thực	15/06/1999	Nữ	2.78	168	Khá	BSTY.NLU.2026.1033
DH18CN								
1	18111144	Trần Trương Vũ	25/10/2000	Nam	2.39	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1034
DH18TY								
1	18112030	Nguyễn Chí Cường	07/06/2000	Nam	2.16	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1035
2	18112082	Trịnh Thanh Huy	10/05/2000	Nam	2.20	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1036
3	18112218	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	10/11/2000	Nữ	2.82	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1037
DH19TT								
1	19112255	Trần Viết Bảo Khoa	18/11/2001	Nam	3.23	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1038
2	19112290	Nguyễn Huỳnh Phi Yến	24/05/2001	Nữ	2.90	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1039

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH19TY								
1	19112051	Đoàn Đỗ Lâm	Hà	Nam	2.55	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1040
2	19112078	Nguyễn Thị Huyền	Huyền	Nữ	2.40	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1041
3	19112104	Nguyễn Phương Mai	Mai	Nữ	2.13	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1042
4	19112103	Nguyễn Phương Mai	Mai	Nữ	2.57	168	Khá	BSTY.NLU.2026.1043
DH19TYGL								
1	19112298	Nay H'	Múi	Nữ	2.33	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1044
DH20CN								
1	20111152	Phan Thị Diệu Linh	Linh	Nữ	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1045
2	20111338	Châu Thảo Vy	Vy	Nữ	2.53	159	Khá	KS.NLU.2026.1046
DH20TA								
1	20111026	Trần Thanh Hằng	Hằng	Nữ	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1047
DH20TT								
1	20112189	Hồ Gia Bảo	Bảo	Nữ	3.14	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1048
2	20112195	Nguyễn Tường Lan Chi	Chi	Nữ	3.32	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1049
3	20112216	Vương Hoàng Duy	Duy	Nam	3.53	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1050
4	20112217	Đặng Thị Hạnh Duyên	Duyên	Nữ	3.21	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1051
5	20112219	Nguyễn Vũ Hương Giang	Giang	Nữ	2.80	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1052
6	20112223	Trần Huỳnh Gia Hân	Hân	Nữ	2.84	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1053
7	20112235	Lương Thị Kim Hoàng	Hoàng	Nữ	3.20	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1054
8	20112258	Giang Mỹ Kỳ	Kỳ	Nữ	3.03	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1055
9	20112279	Mang Kiều Diễm My	My	Nữ	2.67	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1056
10	20112291	Lưu Trọng Nghĩa	Nghĩa	Nam	3.19	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1057
11	20112320	Phan Thị Yến Oanh	Oanh	Nữ	2.79	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1058
12	20112084	Trần Thị Mai Thảo	Thảo	Nữ	3.58	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1059
13	19112276	Châu Thị Anh Thi	Thi	Nữ	3.31	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1060
14	20112369	Nguyễn Trần Minh Thư	Thư	Nữ	3.25	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1061

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
15	20112147	Nguyễn Thu Trang	06/10/2002	Nữ	3.22	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1062
16	20112422	Phạm Huỳnh Phi Yến	18/06/2002	Nữ	2.93	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1063
DH20TY								
1	20112178	Nguyễn Huỳnh Khánh An	01/01/2002	Nữ	3.18	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1064
2	20112015	Trương Nguyễn Kim Cương	12/09/2002	Nữ	2.77	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1065
3	20112209	Huỳnh Quốc Dũng	18/10/2002	Nam	2.36	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1066
4	20112200	Châu Thị Trúc Đào	09/09/2002	Nữ	2.78	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1067
5	20112245	Phạm Trần Gia Huy	17/11/2002	Nam	2.92	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1068
6	20112160	Rah Lan H' Ai Len	15/06/2001	Nữ	2.76	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1069
7	20112264	Hà Trọng Lên	15/03/2002	Nam	2.72	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1070
8	20112266	Nguyễn Ánh Thùy Linh	03/09/2002	Nữ	2.67	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1071
9	20112348	Trần Lê Quốc Thái	23/12/2002	Nam	2.56	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1072
10	20112358	Huỳnh Kim Thành	01/03/2002	Nam	2.59	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1073
11	20112413	Nguyễn Hoàng Vương	14/04/2002	Nam	2.36	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1074
12	20112416	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	11/11/2002	Nữ	2.85	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1075
DH20TYGL								
1	20112458	Phan Mạnh Trí	07/05/2002	Nam	2.53	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1076
DH20TYNT								
1	20112434	Trần Thanh Trầm	12/08/1989	Nam	2.66	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1077
DH21CN								
1	21111182	Võ Ngọc Phúc An	21/06/2003	Nữ	2.60	159	Khá	KS.NLU.2026.1078
2	21111007	Nguyễn Ngọc Huỳnh Anh	12/11/2003	Nữ	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.1079
3	21111215	Trương Cao Dương	02/05/2003	Nam	2.59	159	Khá	KS.NLU.2026.1080
4	21111237	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	05/01/2003	Nữ	2.79	158	Khá	KS.NLU.2026.1081
5	21111043	Nguyễn Huỳnh Thanh Hiền	30/10/2003	Nữ	2.05	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1082
6	21111067	Nguyễn Thị Bích Liễu	19/06/2003	Nữ	2.44	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1083
7	21111303	Nguyễn Hiền Thảo Nguyên	24/08/2003	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1084
8	21111306	Nguyễn Võ Thành Nhân	11/08/2003	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1085

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
9	21111333	Đoàn Kim	Quý	26/07/2003	Nữ	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.1086
10	21111334	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	26/12/2003	Nữ	2.66	158	Khá	KS.NLU.2026.1087
11	21111338	Vũ Quang	Son	08/11/2003	Nam	3.39	159	Giỏi	KS.NLU.2026.1088
12	21111158	Lưu Gia	Tuệ	16/11/2003	Nữ	2.36	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1089
13	21111342	Lại Văn	Thái	11/04/2002	Nam	2.91	160	Khá	KS.NLU.2026.1090
14	21111145	Hoàng Thanh	Thủy	10/01/2003	Nữ	2.52	160	Khá	KS.NLU.2026.1091
15	21111403	Đường Tú	Uyên	22/12/2003	Nữ	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1092
16	21111409	Nguyễn Thanh	Vũ	23/09/2003	Nam	2.32	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1093
DH21DY									
1	21112582	Đặng Thị Hồng	Phấn	02/10/2003	Nữ	3.12	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1094
2	21112235	Lê Huỳnh Anh	Thư	05/06/2003	Nữ	3.59	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1095
3	21112724	Nguyễn Hà Khánh	Vy	10/01/2003	Nữ	3.26	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1096
DH21TA									
1	21111189	Nguyễn Hà Tuấn	Anh	18/08/2003	Nam	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.1097
2	21111328	Nguyễn Văn	Quang	04/04/2003	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.1098
3	21111340	Phan Anh	Tâm	19/07/2003	Nữ	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1099
4	21111381	Nguyễn Kiều	Trinh	10/08/2003	Nữ	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.1100
DH21TY									
1	20112092	Dương Phi	Thuận	25/06/2002	Nam	2.86	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1101
DH21TYA									
1	21112009	Phan Công Thái	An	20/03/2003	Nữ	2.71	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1102
2	21112431	Đỗ Huỳnh	Giao	07/08/2003	Nữ	2.89	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1103
3	21112095	Trần Thị Trúc	Huỳnh	08/11/2003	Nữ	2.95	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1104
4	21112522	Đàm Thị Trà	My	03/10/2003	Nữ	2.72	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1105
5	21112533	Sin Toàn Mỹ	Ngân	10/03/2003	Nữ	3.27	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1106
6	21112531	Phạm Thị Thanh	Ngân	09/11/2003	Nữ	2.63	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1107
7	21112544	Lê Hoài	Ngọc	08/05/2003	Nữ	2.75	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1108
8	21112159	Nguyễn Ái	Nhân	18/01/2003	Nữ	3.24	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1109

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
9	21112183	Phạm Thị Hồng	Phấn	13/11/2003	Nữ	3.45	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1110
10	21112196	Nguyễn Minh	Quân	06/09/2003	Nam	2.92	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1111
11	21112619	Trương Thị	Sương	19/03/2003	Nữ	2.88	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1112
12	21112209	Lâm Thị Thanh	Tâm	08/09/2003	Nữ	3.09	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1113
13	21112659	Nguyễn Lê Ngọc	Thư	08/04/2002	Nữ	3.23	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1114
14	21112237	Mai Thị Quỳnh	Thư	08/05/2003	Nữ	2.67	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1115
15	21112309	Ôn Đoàn	Vy	07/12/2003	Nữ	2.92	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1116
DH21TYB									
1	21112392	Hà Thị Ngọc	Bích	05/02/2003	Nữ	3.18	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1117
2	21112056	Lê Thị Kiều	Duyên	25/03/2003	Nữ	3.17	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1118
3	21112044	Nguyễn Thị Thùy	Dương	09/08/2003	Nữ	2.79	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1119
4	21112062	Đào Ngọc	Hân	02/08/2003	Nữ	3.54	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1120
5	21112462	Phạm Vĩnh	Hung	31/10/2003	Nam	3.01	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1121
6	21112473	Trần Hữu	Khang	08/01/2003	Nam	2.79	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1122
7	21112508	Phan Minh Trúc	Ly	15/11/2003	Nữ	3.66	166	Xuất sắc	BSTY.NLU.2026.1123
8	21112541	Trần Đại	Nghĩa	05/12/2003	Nam	3.30	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1124
9	21112562	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	28/08/2003	Nữ	3.00	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1125
10	21112573	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	23/12/2003	Nữ	3.14	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1126
11	21112187	Lâm Thị Ngọc	Phúc	03/05/2003	Nữ	2.93	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1127
12	21112251	Võ Thị Mỹ	Tiên	03/06/2003	Nữ	2.63	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1128
13	21112637	Nguyễn Thị	Thảo	05/11/2003	Nữ	2.71	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1129
14	21112244	Lê Thị Thu	Thúy	28/06/2003	Nữ	2.61	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1130
15	21112719	Trần Thị	Vừa	01/07/2003	Nữ	3.20	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1131
16	21112736	Ngô Thị Mỹ	Yến	03/10/2003	Nữ	3.07	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1132
TC17TY									
1	17212009	Ngô Chí	Trung	16/02/1999	Nam	2.13	151	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1133

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Kinh tế								
DH18KN								
1	18522003	Võ Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	2.60	137	Khá	CN.NLU.2026.1134
DH18QT								
1	18122070	Vũ Văn	Hiệu	Nam	3.05	137	Khá	CN.NLU.2026.1135
2	18122347	Phùng Nữ Thanh	Vân	Nữ	2.75	137	Khá	CN.NLU.2026.1136
DH20KE								
1	20123108	Hồ Thị Bảo	Ái	Nữ	3.13	137	Khá	CN.NLU.2026.1137
DH20KENT								
1	20123099	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	3.01	136	Khá	CN.NLU.2026.1138
DH20QT								
1	20122401	Hồ Thị Thanh	Ngân	Nữ	2.88	136	Khá	CN.NLU.2026.1139
DH20QTC								
1	20122426	Nguyễn Trần	Nhật	Nam	2.63	136	Khá	CN.NLU.2026.1140
DH20QNTNT								
1	20122640	Trần Đình	Tri	Nam	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.1141
DH21KE								
1	21123230	Tôn Thị	Hoài	Nữ	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.1142
2	21123246	Trần Nguyễn Ánh	Ly	Nữ	3.33	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1143
3	21123252	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	2.99	137	Khá	CN.NLU.2026.1144
4	21123287	Hoàng Vũ Bảo	Trần	Nữ	2.80	136	Khá	CN.NLU.2026.1145
DH21KENT								
1	21123182	Tổng Lê Mỹ	Duyên	Nữ	2.95	136	Khá	CN.NLU.2026.1146
2	21123343	Nguyễn Thị Thanh	Đam	Nữ	3.46	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1147
3	21123185	Dương Thị Hồng	Nhung	Nữ	2.30	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1148

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21KM								
1	21120021	Nguyễn Thanh Khánh	Bảo	Nữ	2.43	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1149
2	21120424	Nguyễn Ngọc Mai	Mai	Nữ	3.12	138	Khá	CN.NLU.2026.1150
3	21120429	Võ Trà My	My	Nữ	2.67	138	Khá	CN.NLU.2026.1151
4	21120432	Nguyễn Thị Chi Na	Na	Nữ	2.92	137	Khá	CN.NLU.2026.1152
5	21120443	Nguyễn Thùy Ngân	Ngân	Nữ	2.66	137	Khá	CN.NLU.2026.1153
6	21120291	Đặng Quế Tuyền	Tuyền	Nữ	2.75	137	Khá	CN.NLU.2026.1154
7	21120513	Nguyễn Vũ Anh Thái	Thái	Nam	2.98	137	Khá	CN.NLU.2026.1155
DH21KN								
1	21155060	Nguyễn Quốc Anh	Anh	Nam	3.03	137	Khá	CN.NLU.2026.1156
2	21155063	Nguyễn Dương Bình	Bình	Nam	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.1157
3	21155096	Đặng Thị Thuý Hồng	Hồng	Nữ	2.98	136	Khá	CN.NLU.2026.1158
4	21155153	Nguyễn Minh Thuận	Thuận	Nam	2.89	136	Khá	CN.NLU.2026.1159
5	21155180	Nguyễn Hồng Vân	Vân	Nữ	3.08	137	Khá	CN.NLU.2026.1160
DH21KT								
1	21120543	Đoàn Tấn Tiến	Tiến	Nam	2.85	136	Khá	CN.NLU.2026.1161
2	21120567	Kơ Ho Tou Neh	Trình	Nam	2.77	136	Khá	CN.NLU.2026.1162
DH21QT								
1	21122482	Phạm Huỳnh Nhật Anh	Anh	Nam	3.16	137	Khá	CN.NLU.2026.1163
2	21122665	Trần Thị Tú Như	Như	Nữ	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.1164
3	21122701	Lê Thị Hồng Thắm	Thắm	Nữ	3.63	138	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1165
DH21QTCA								
1	21122483	Trần Thị Hồng Anh	Anh	Nữ	3.58	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1166
2	21122666	Trương Phạm Tuyết Như	Như	Nữ	3.55	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1167
DH21TC								
1	21122625	Nguyễn Gia My	My	Nữ	3.26	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1168

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21TM								
1	21122535	Hoàng Đức	27/11/2003	Nam	2.89	137	Khá	CN.NLU.2026.1169
2	21122573	Đặng Thị Chi	28/09/2003	Nữ	2.96	136	Khá	CN.NLU.2026.1170
DH22KE								
1	22123119	Trần Thị Sang	17/02/2004	Nữ	3.45	140	Giỏi	CN.NLU.2026.1171
DH22KM								
1	22120119	Nguyễn Hồng Nhi	05/09/2004	Nữ	3.86	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1172
DH22KT								
1	22120033	Trần Ngọc Duy	10/10/2004	Nam	3.44	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1173
2	22120052	Huỳnh Tấn Hiếu	02/08/2004	Nam	3.70	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1174
3	22120066	Trương Thị Minh Huyền	27/04/2004	Nữ	3.37	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1175
4	22120070	Huỳnh Ngọc Thị Thuý Lan	19/04/2004	Nữ	3.37	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1176
5	22120092	Đinh Thị Thanh Mai	20/05/2004	Nữ	3.24	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1177
6	22120129	Lê Thị Quỳnh Như	23/06/2004	Nữ	3.11	136	Khá	CN.NLU.2026.1178
7	22120193	Lê Hoàng Triết	02/08/2004	Nam	3.62	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1179
8	22120223	Nguyễn Thanh Trúc Vy	09/03/2004	Nữ	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.1180
9	22120225	Bùi Thị Ngọc Yến	02/06/2004	Nữ	3.33	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1181
DH22QT								
1	22122022	Vũ Tuấn Anh	20/02/2004	Nam	2.92	138	Khá	CN.NLU.2026.1182
2	22122057	Nguyễn Chí Dũng	28/03/2004	Nam	3.00	138	Khá	CN.NLU.2026.1183
3	22122093	Nguyễn Nhật Hào	29/07/2004	Nam	2.88	138	Khá	CN.NLU.2026.1184
4	22122110	Lê Thị Hồng Hoa	23/11/2003	Nữ	3.47	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1185
5	22122111	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	29/04/2004	Nữ	3.39	138	Giỏi	CN.NLU.2026.1186
6	22122168	Nguyễn Thị Hồng Linh	22/05/2004	Nữ	3.42	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1187
7	22122214	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/02/2004	Nữ	3.69	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1188
8	22122217	Bùi Phước Ngoan	01/10/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1189
9	22122345	Lê Phương Thảo	17/01/2004	Nữ	3.16	138	Khá	CN.NLU.2026.1190

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22QTCA								
1	22122052	Nguyễn Võ Phương	Đông	Nam	3.38	139	Giỏi	CN.NLU.2026.1191
2	22122162	Châu Ngọc	Linh	Nữ	3.60	139	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1192
3	22122281	Đình Quỳnh	Phú	Nữ	3.49	139	Giỏi	CN.NLU.2026.1193
DH22TC								
1	22122031	Giáp Văn	Chuyên	Nam	3.45	139	Giỏi	CN.NLU.2026.1194
2	22122167	Lưu Thị Mỹ	Linh	Nữ	3.22	138	Giỏi	CN.NLU.2026.1195
3	22122473	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	3.24	139	Giỏi	CN.NLU.2026.1196
DH22TM								
1	22122018	Phạm Tuấn	Anh	Nam	3.42	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1197
2	22122027	Trần Ngọc	Bích	Nữ	3.70	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1198
3	22154021	Vũ Khắc	Dũng	Nam	3.28	138	Giỏi	CN.NLU.2026.1199
4	22122043	Đoàn Thành	Đạt	Nam	3.42	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1200
5	22122065	Bùi Thị Kim	Giang	Nữ	3.35	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1201
6	22122086	Trần Thị	Hằng	Nữ	3.36	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1202
7	22122100	Trần Thị Mai	Hiên	Nữ	2.76	137	Khá	CN.NLU.2026.1203
8	22122112	Phạm Thị Hồng	Hoa	Nữ	3.58	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1204
9	22122114	Võ Minh	Hoàng	Nam	3.53	138	Giỏi	CN.NLU.2026.1205
10	22122160	Phạm Thị Mỹ	Liên	Nữ	3.34	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1206
11	22122198	Hồ Thị Hoàng	My	Nữ	3.67	139	Xuất sắc	CN.NLU.2026.1207
12	22122204	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	3.47	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1208
13	22122270	Lê Thị Mỹ	Nữ	Nữ	3.57	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1209
14	22122232	Bùi Nguyễn Thu	Nguyệt	Nữ	3.42	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1210
15	22122238	Hoàng Quốc	Nhật	Nam	3.05	136	Khá	CN.NLU.2026.1211
16	22122290	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	3.32	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1212
17	22122312	Ngô Vũ Như	Quỳnh	Nữ	3.36	138	Giỏi	CN.NLU.2026.1213
18	22122327	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	3.30	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1214
19	22122397	Võ Đức	Toàn	Nam	3.31	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1215

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
20	22122436	Lê Quang	Tùng	Nam	3.04	137	Khá	CN.NLU.2026.1216
21	22122359	Võ Thị Kim	Thoa	Nữ	3.53	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1217
22	22122403	Nguyễn Ngọc	Trần	Nữ	3.42	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1218
23	22122453	Phạm Bùi Phương	Uyên	Nữ	3.43	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1219
24	22122483	Nguyễn Thị Vân	Yến	Nữ	3.24	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1220
Lâm nghiệp								
DH17CB								
1	17115074	Trần Quốc	Nhân	Nam	2.38	135	Trung bình	KS.NLU.2026.1221
DH17LN								
1	17114021	Nguyễn Văn	Hữu	Nam	2.65	136	Khá	KS.NLU.2026.1222
DH20CB								
1	20115123	Hồ Văn	Thắng	Nam	3.08	159	Khá	KS.NLU.2026.1223
DH20GN								
1	20115209	Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.1224
DH20LN								
1	20165004	Phạm Hoài	Nam	Nam	2.65	160	Khá	KS.NLU.2026.1225
DH20QR								
1	20164033	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	Nữ	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1226
DH21LN								
1	21114030	Trần Lữ	Hùng	Nam	2.76	160	Khá	KS.NLU.2026.1227
DH22GN								
1	22115044	Hoàng Thị Ái	Nhi	Nữ	3.65	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1228
Môi trường và Tài nguyên								
DH15CH								
1	15131092	Ngô Nguyễn Ai	Nhi	Nữ	2.42	135	Trung bình	KS.NLU.2026.1229

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH15ES								
1	15163002	Nguyễn Quốc Bảo	19/05/1997	Nam	2.51	136	Khá	KS.NLU.2026.1230
DH18MT								
1	18127053	Hồ Minh Thiện	04/11/2000	Nam	2.42	137	Trung bình	KS.NLU.2026.1231
DH19ES								
1	19163032	Trương Minh Quân	11/08/2001	Nam	2.75	137	Khá	KS.NLU.2026.1232
2	19163058	Võ Thị Thu Xuân	14/12/2001	Nữ	2.70	137	Khá	KS.NLU.2026.1233
DH19TK								
1	19131005	Lê Thị Ngọc Diễm	24/10/2001	Nữ	3.17	137	Khá	KS.NLU.2026.1234
2	19131035	Trần Thị Tuyết Nhung	18/01/2001	Nữ	3.20	137	Giỏi	KS.NLU.2026.1235
DH20ES								
1	20163127	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	16/11/2002	Nữ	3.04	160	Khá	KS.NLU.2026.1236
DH20LH								
1	20131102	Huỳnh Hải Quỳnh	19/12/2001	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.1237
DH20MT								
1	20127096	Dương Thành Công	23/07/2002	Nam	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.1238
2	20127015	Trần Thị Diễm Hân	13/02/2002	Nữ	3.17	159	Khá	KS.NLU.2026.1239
3	20127122	Võ Hoàng Thiên Nga	06/11/2002	Nữ	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1240
DH21HM								
1	21166124	Trịnh Công Hưng	18/05/2003	Nam	3.07	159	Khá	KS.NLU.2026.1241
DH21LH								
1	21133089	Trần Thị Mỹ Hằng	12/04/2003	Nữ	3.10	158	Khá	KS.NLU.2026.1242
2	21133108	Trần Thanh Phong Nhã	11/10/2003	Nữ	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.1243
DH21MT								
1	21127131	Nguyễn Quỳnh Như	15/01/2003	Nữ	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.1244
2	21127143	Nguyễn Lâm Ái Quỳnh	19/11/2003	Nữ	2.43	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1245

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21QM								
1	21149235	Trần Thị Hồng	Phúc	Nữ	2.89	159	Khá	KS.NLU.2026.1246
2	21149299	Đình Văn	Tụng	Nam	2.60	159	Khá	KS.NLU.2026.1247
Nông học								
DH16NHGL								
1	16113184	Phạm Thị	Hường	Nữ	2.50	135	Khá	KS.NLU.2026.1258
DH17BVA								
1	17145065	Lê Thanh	Quý	Nam	2.68	132	Khá	KS.NLU.2026.1259
DH18BV								
1	18145009	Hồ Thanh	Chinh	Nam	2.75	136	Khá	KS.NLU.2026.1260
2	18145048	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	2.86	136	Khá	KS.NLU.2026.1261
DH20BV								
1	20145154	Lê Thị Hoàng	Quyên	Nữ	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.1262
2	20145179	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	3.02	158	Khá	KS.NLU.2026.1263
3	20145162	Phan Vũ	Thiện	Nam	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.1264
4	20145169	Vũ Thị Ngọc	Thúy	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.1265
5	20145188	Dương Ngọc Như	Ý	Nữ	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.1266
DH21BVA								
1	21145139	Phan Thị Mỹ	Duyên	Nữ	3.22	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1267
2	21145125	Phạm Tuấn	Đạt	Nam	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.1268
3	21145154	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	2.25	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1269
4	21145058	Lê Văn	Quốc	Nam	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.1270
DH21BVB								
1	21145121	Trần Hữu	Danh	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1271
2	21145198	Trần Thanh	Son	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1272
3	21145080	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.1273

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21NHA								
1	21111213	Nguyễn Tấn Dũng	09/05/2003	Nam	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.1274
2	211113173	Huỳnh Khánh Duy	30/10/2003	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.1275
3	211113159	Nguyễn Phước Đại	09/10/2003	Nam	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1276
4	211113183	Võ Hoàng Hiếu	04/06/2003	Nam	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.1277
5	21113207	Lê Văn Kiệt	03/09/2003	Nam	3.12	158	Khá	KS.NLU.2026.1278
6	21113213	Lê Thị Mỹ Lệ	29/03/2003	Nữ	3.03	158	Khá	KS.NLU.2026.1279
7	21113217	Nguyễn Thị Thảo Linh	17/03/2003	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.1280
DH21NHB								
1	21113273	Hồ Quốc Qui	07/07/2003	Nam	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.1281
DH21NHC								
1	21113233	Nguyễn Phương Nam	20/11/2003	Nam	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.1282
2	21113258	Tăng Thanh Nhứt	14/06/2003	Nam	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.1283
3	21113320	Tống Thị Tú Trâm	06/08/2003	Nữ	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.1284
4	21113326	Nguyễn Văn Trọng	06/01/2003	Nam	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.1285
DH22NHA								
1	22113011	Phạm Khánh Đăng	23/04/2004	Nam	3.74	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1286
DH22NHB								
1	22113036	Đào Thanh Lan	26/03/2004	Nữ	3.92	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1287
TC20NHDN								
1	20213015	Ngô Văn Phước	15/01/1991	Nam	2.98	150	Khá	KS.NLU.2026.1288
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH18AV								
1	18128155	Đỗ Thị Ngọc Tân	21/11/2000	Nữ	2.51	137	Khá	CN.NLU.2026.1248
DH19AV								
1	19128037	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	02/03/2001	Nữ	2.25	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1249
2	19128215	Hà Mộng Thúy Vy	06/09/2001	Nữ	2.19	137	Trung bình	CN.NLU.2026.1250

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20AV								
1	20128195	Nguyễn Lê Tuấn	30/04/2002	Nam	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.1251
2	20128201	Lê Quang	14/07/2002	Nam	2.76	136	Khá	CN.NLU.2026.1252
3	20128303	Dương Đức	18/02/2000	Nam	3.30	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1253
4	20128326	Nguyễn Thị Hồng	14/12/2002	Nữ	2.62	136	Khá	CN.NLU.2026.1254
DH21AVNT								
1	21128296	Đỗ Hồng Bảo	25/09/2003	Nữ	2.79	136	Khá	CN.NLU.2026.1255
2	21128298	Nguyễn Trương Bảo	12/01/2003	Nữ	2.60	136	Khá	CN.NLU.2026.1256
3	21128285	Nguyễn Quang	27/03/2003	Nam	3.30	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1257
Phân hiệu Ninh Thuận								
CD18TANT								
1	1711402310031	Đổng Thị Tú	17/08/1999	Nữ	6.15	196	Trung bình khá	CD.NLU.2026.1289
CD21MNNTA								
1	21374056	Lê Thị Thùy	13/03/2003	Nữ	7.16	182	Khá	CD.NLU.2026.1290
CD21MNNTB								
1	21374010	Trà Thị Mỹ	26/02/2003	Nữ	6.66	182	Trung bình khá	CD.NLU.2026.1291
2	21374103	Bích Thị	10/02/2003	Nữ	7.37	182	Khá	CD.NLU.2026.1292
CD22MNNT								
1	22374001	Nguyễn Thị Quỳnh	24/03/2004	Nữ	7.33	182	Khá	CD.NLU.2026.1293
2	22374014	Nguyễn Thị Thanh	01/04/2004	Nữ	7.28	182	Khá	CD.NLU.2026.1294
3	21374016	Ngô Đỗ Thùy	18/03/2003	Nữ	7.22	182	Khá	CD.NLU.2026.1295
4	22374018	Phạm Thị Mỹ	18/04/2004	Nữ	7.33	182	Khá	CD.NLU.2026.1296
5	22374025	Lưu Thị Ngọc	27/04/2004	Nữ	7.61	182	Khá	CD.NLU.2026.1297
6	22374038	Khưu Võ Thanh	16/06/2004	Nữ	7.41	182	Khá	CD.NLU.2026.1298
7	22374027	Phạm Thị Thanh	29/09/2003	Nữ	7.62	182	Khá	CD.NLU.2026.1299
8	22374028	Trương Thị Mỹ	07/06/2004	Nữ	7.38	182	Khá	CD.NLU.2026.1300
9	22374029	Đổng Nữ An	19/08/2004	Nữ	7.30	182	Khá	CD.NLU.2026.1301

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	22374035	Nguyễn Thị Thanh	Trang	Nữ	7.78	182	Khá	CD.NLU.2026.1302
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH15QD								
1	15124122	Lê Cảnh	Kha	Nam	2.56	136	Khá	KS.NLU.2026.1303
DH15TB								
1	15124112	Thái Quốc	Huy	Nam	2.90	135	Khá	KS.NLU.2026.1304
DH18TB								
1	18124075	Võ Ngọc Đan	Linh	Nữ	2.77	137	Khá	KS.NLU.2026.1305
DH19QL								
1	19124007	Đỗ Thị Kim	Anh	Nữ	2.51	139	Khá	KS.NLU.2026.1306
DH20QL								
1	20124100	Lê Thị Ngọc	Ngà	Nữ	2.33	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1307
2	20124442	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	2.47	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1308
3	20124467	Vũ Duy	Tân	Nam	2.29	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1309
DH21QD								
1	21124298	Võ Thị Hồng	Ánh	Nữ	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.1310
2	21124253	Võ Lê	Uyên	Nữ	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1311
DH21QL								
1	21124300	Nguyễn Nghiêm Gia	Bảo	Nam	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.1312
2	21124405	Nguyễn Viết	Lưu	Nam	2.62	158	Khá	KS.NLU.2026.1313
3	21124411	Nguyễn Đắc Nhật	Minh	Nam	2.42	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1314
4	21124160	Trần Ngọc Yến	Nhi	Nữ	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.1315
5	21124455	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	2.98	160	Khá	KS.NLU.2026.1316
6	21124567	Nguyễn Minh	Quang	Nam	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.1317
7	21124538	Bùi Quốc	Tuấn	Nam	2.78	159	Khá	KS.NLU.2026.1318
8	21124195	Huỳnh Công	Thành	Nam	2.35	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1319
9	21124504	Phạm Hoàng Anh	Thư	Nữ	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.1320

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	21124228	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần	Nữ	2.95	158	Khá	KS.NLU.2026.1321
DH21TB								
1	21135008	Vũ Nguyệt Minh	Anh	Nữ	2.73	137	Khá	CN.NLU.2026.1322
2	21135248	Nguyễn Kinh	Ánh	Nam	3.13	137	Khá	CN.NLU.2026.1323
3	21135261	Dương Hoàng	Dương	Nam	2.83	137	Khá	CN.NLU.2026.1324
4	21135060	Từ Thị Hương	Huỳnh	Nữ	2.91	137	Khá	CN.NLU.2026.1325
5	21135324	Lê Trần Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	3.31	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1326
6	21135342	Đặng Kim	Quyên	Nữ	3.30	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1327
7	21135361	Ngô Thị Cẩm	Thu	Nữ	3.18	137	Khá	CN.NLU.2026.1328
Khoa học sinh học								
DH16SH								
1	16126104	Hồ Thủy	Ngân	Nữ	3.28	135	Giỏi	KS.NLU.2026.1329
DH18SHC								
1	18126247	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	3.48	136	Giỏi	KS.NLU.2026.1330
DH18SM								
1	18126008	Hồ Vũ Xuân	Bảo	Nam	2.56	136	Khá	KS.NLU.2026.1331
2	18126052	Lý Trung	Hoàng	Nam	2.68	136	Khá	KS.NLU.2026.1332
3	18126051	Đỗ Nhật	Hoàng	Nam	2.81	136	Khá	KS.NLU.2026.1333
DH19SHA								
1	19126060	Nguyễn Kim Quỳnh	Hương	Nữ	3.22	136	Giỏi	KS.NLU.2026.1334
DH19SHC								
1	19126253	Trần Lê Ngọc	Ngân	Nữ	3.25	136	Giỏi	KS.NLU.2026.1335
DH19SM								
1	19126140	Hàng Anh	Quốc	Nam	2.91	136	Khá	KS.NLU.2026.1336
DH20SHA								
1	20126276	Văn Hồ Hoàng	Kim	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1337

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20SHB								
1	20126340	Nguyễn Thị Kim	Phụng	04/02/2002	Nữ	3.29	158	Giỏi
2	20126419	Lê Lan	Xuân	11/12/2002	Nữ	3.07	158	Khá
DH20SHC								
1	20126365	Trần Quốc	Thiện	10/11/2002	Nam	2.67	158	Khá
DH21SHA								
1	21126278	Phan Bá Quốc	Anh	12/09/2003	Nam	2.75	158	Khá
2	21126292	Võ Uyên	Chi	17/09/2003	Nữ	3.19	158	Khá
3	21126310	Huỳnh Nguyễn Thùy	Dương	05/02/2003	Nữ	3.26	158	Giỏi
4	21126320	Nguyễn Thị	Hà	20/12/2003	Nữ	3.15	158	Khá
5	21126338	Phạm Nguyễn Thủy	Hiền	04/03/2000	Nữ	3.09	158	Khá
6	21126385	Phạm Hồng	Lâm	28/10/2003	Nam	3.06	158	Khá
7	21126396	Lâm Bảo	Lộc	28/08/2003	Nam	3.24	158	Giỏi
8	21126431	Phạm Thị Thủy	Nguyễn	10/06/2003	Nữ	3.16	158	Khá
9	21126141	Phan Hoàng Yến	Nhi	20/04/2003	Nữ	3.21	158	Giỏi
10	21126484	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	18/05/2003	Nữ	2.98	158	Khá
11	21126535	Hồ Văn	Tiến	22/04/2003	Nam	3.33	158	Giỏi
12	21126500	Mai Công	Thành	24/08/2003	Nam	3.09	158	Khá
13	21126576	Nguyễn Thủy	Vân	22/06/2003	Nữ	3.60	158	Xuất sắc
14	21126575	Nguyễn Thị Kiều	Vân	12/11/2002	Nữ	3.37	158	Giỏi
15	21126589	Võ Thị Tường	Vy	04/07/2003	Nữ	3.48	158	Giỏi
16	21126260	Trương Hoàng Minh	Yến	12/08/2002	Nữ	3.14	158	Khá
DH21SHB								
1	21126030	Mai Nguyễn Thục	Diễm	24/03/2003	Nữ	2.69	158	Khá
2	21126331	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	16/11/2003	Nữ	3.49	158	Giỏi
3	21126333	Nguyễn Lưu Vĩnh	Hào	27/10/2001	Nữ	3.26	158	Giỏi
4	21126342	Nguyễn Như	Hiệp	20/10/2003	Nam	2.81	158	Khá
5	21126347	Nguyễn Nhật	Hòa	05/09/2003	Nữ	2.96	158	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	21126131	Trần Phạm Thảo	Nguyễn	16/01/2003	Nữ	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.1362
7	21126445	Phạm Nguyễn Bảo	Nhi	05/09/2003	Nữ	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1363
8	21126154	Võ Hồng	Phẩm	20/02/2003	Nam	3.02	158	Khá	KS.NLU.2026.1364
9	21126488	Hen	Rích	03/07/2003	Nữ	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1365
10	21126493	Nguyễn Văn	Tân	07/02/2003	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.1366
11	21126512	Thạch Bá	Thiên	18/08/2003	Nam	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.1367
12	21126529	Nguyễn Thị	Thùy	10/05/2003	Nữ	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.1368
13	21126213	Nguyễn Vương Huyền	Trâm	04/04/2003	Nữ	3.23	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1369
14	21126546	Châu Nguyễn Huyền	Trần	06/10/2003	Nữ	2.95	158	Khá	KS.NLU.2026.1370
15	21126259	Thạch	Vinh	17/09/2002	Nam	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.1371
16	21126593	Nguyễn Dương Phương	Yến	09/04/2003	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1372
DH21SHC									
1	21126012	Nguyễn Ngọc	Anh	27/10/2003	Nữ	2.72	158	Khá	KS.NLU.2026.1373
2	21126528	Phạm Thị Phương	Thuận	16/10/2003	Nữ	2.82	158	Khá	KS.NLU.2026.1374
3	21126543	Nguyễn Vũ Tuyết	Trâm	25/08/2003	Nữ	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.1375
DH21SHD									
1	21126032	Huỳnh Thị	Diệu	05/12/2003	Nữ	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1376
2	21126261	Đặng Quốc	Đại	02/08/2003	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1377
3	21126330	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	16/11/2003	Nữ	3.49	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1378
4	21126328	Đặng Thị	Hằng	16/04/2003	Nữ	3.63	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1379
5	21126339	Trang Thị Diệu	Hiền	15/12/2001	Nữ	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1380
6	21126346	Lê Ngọc Thế	Hoa	21/10/2003	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1381
7	21126073	Nguyễn Phúc	Huy	21/02/2003	Nam	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.1382
8	21126078	Võ Thị Mộng	Huỳnh	27/10/2003	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1383
9	21126399	Nguyễn Lê	Lợi	28/12/2001	Nam	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.1384
10	21126417	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10/07/2003	Nữ	3.32	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1385
11	21126112	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	28/11/2003	Nữ	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.1386
12	21126150	Trần Thị Cẩm	Nhung	12/05/2003	Nữ	3.57	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1387

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
13	21126456	Hà Thị Nhung	Nhung	17/11/2003	Nữ	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.1388
14	21126486	Nguyễn Mai Yến	Quỳnh	30/11/2003	Nữ	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.1389
15	21126503	Đoàn Nghi	Thảo	10/06/2003	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1390
16	21126513	Nguyễn Đức	Thiện	06/03/2003	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.1391
17	21126515	Hồ Quốc	Thịnh	25/11/2003	Nam	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.1392
18	21126519	Nguyễn Anh	Thư	16/10/2003	Nữ	3.63	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1393
19	21126201	Phạm Minh	Thư	23/02/2003	Nữ	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.1394
20	21126577	Lê Thái	Văn	29/09/2003	Nam	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.1395
21	21126588	Trần Hà Thảo	Vy	05/10/2003	Nữ	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.1396
DH21SM									
1	21126274	Lưu Nguyễn Tử	Anh	15/07/2003	Nam	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1397
2	21126294	Phạm Thành	Công	10/12/2003	Nam	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.1398
3	21126316	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	15/03/2003	Nữ	3.15	158	Khá	KS.NLU.2026.1399
4	21126304	Nguyễn Công	Đức	04/09/2003	Nam	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1400
5	21126045	Nguyễn Minh	Hà	15/05/2003	Nữ	3.15	158	Khá	KS.NLU.2026.1401
6	21126340	Nguyễn Duy	Hiền	14/11/2002	Nam	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1402
7	21126091	Trương Lê Xuyên	Kim	04/04/2003	Nữ	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1403
8	21126378	Phạm Đình	Khôi	18/02/2003	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1404
9	21126412	Phạm Thị Kiều	Nga	13/07/2003	Nữ	3.40	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1405
10	21126120	Võ Minh	Nghĩa	27/02/2003	Nam	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1406
11	21126125	Nguyễn Hoài Bảo	Ngọc	23/07/2003	Nữ	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1407
12	21126447	Tào Khả	Nhi	28/08/2003	Nữ	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1408
13	21126483	Hoàng Tố	Quỳnh	12/05/2003	Nữ	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1409
14	21126485	Vương Thục	Quỳnh	15/12/2003	Nữ	3.36	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1410
15	21126536	Trương Thị Thanh	Tiền	12/09/2003	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.1411
16	21126195	Lê Thị Ngọc	Thi	05/04/2003	Nữ	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.1412
17	21126197	Nguyễn Ngọc Anh	Thi	24/11/2003	Nữ	2.79	158	Khá	KS.NLU.2026.1413
18	21126532	Phạm Thị Thu	Thủy	17/02/2003	Nữ	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1414

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

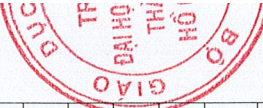
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
19	21126542	Nguyễn Thị Trâm	28/10/2003	Nữ	3.47	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1415
20	21126591	Nguyễn Ngọc Như Ý	05/10/2003	Nữ	3.32	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1416
DH22SM								
1	22126179	Nguyễn Ngọc Yến Thy	24/12/2004	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.1417
Công nghệ thông tin								
DH18DTC								
1	18130162	Bùi Văn Nhất	20/11/2000	Nam	2.83	136	Khá	KS.NLU.2026.1476
DH19DTA								
1	19130124	Nguyễn Hữu Lộc	13/05/2001	Nam	2.33	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1477
DH19DTB								
1	19130152	Trương Lê Trọng Nghĩa	12/07/2001	Nam	2.27	137	Trung bình	KS.NLU.2026.1478
DH19DTC								
1	19130044	Võ Thành Đô	20/05/2001	Nam	2.54	136	Khá	KS.NLU.2026.1479
DH20DTA								
1	20130235	Hà Huy Dũng	10/12/2002	Nam	2.12	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1480
DH20DTB								
1	20130403	Nguyễn Chí Thanh	03/10/2002	Nam	2.26	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1481
DH21DTA								
1	21130100	Nguyễn Hữu Thành Luân	14/01/2003	Nam	2.21	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1482
2	21130228	Nguyễn Nhật Trường	06/11/2003	Nam	2.24	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1483
DH21DTB								
1	21130382	Nguyễn Văn Huy	28/02/2003	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1484
2	21130365	Đỗ Quốc Hưng	04/08/2003	Nam	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1485
DH21DTC								
1	21130410	Đặng Tấn Kiệt	06/08/2003	Nam	2.36	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1486
2	21130407	Võ Nguyễn Nhật Khương	21/05/2003	Nam	2.81	159	Khá	KS.NLU.2026.1487

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21130440	Nguyễn Thanh Lưu	19/01/2003	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1488
4	21130445	Huỳnh Ngọc Quang Minh	10/07/2003	Nam	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1489
DH21DTD								
1	21130514	Vũ Trần Thái Sơn	29/10/2003	Nam	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.1490
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH17VT								
1	17125200	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	28/08/1999	Nữ	3.25	135	Giỏi	KS.NLU.2026.1418
DH18DD								
1	18125060	Trần Phi Dũng	06/04/2000	Nam	2.68	137	Khá	KS.NLU.2026.1419
DH19BQ								
1	19125309	Lê Đặng Huỳnh Tân	30/05/2001	Nữ	2.95	138	Khá	KS.NLU.2026.1420
DH19HS								
1	19139005	Lê Quý Anh	10/02/2001	Nam	2.42	137	Trung bình	KS.NLU.2026.1421
DH19HT								
1	19139074	Phan Quang Linh	06/08/2001	Nam	2.98	137	Khá	KS.NLU.2026.1422
2	19139165	Lại Thị Thúy	15/01/2001	Nữ	2.97	136	Khá	KS.NLU.2026.1423
DH19VT								
1	19125054	Nguyễn Hồng Hiền Đức	25/03/2001	Nam	2.48	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1424
DH20BQ								
1	20125752	Nguyễn Thị Huyền Trân	17/06/2002	Nữ	3.16	159	Khá	KS.NLU.2026.1425
DH20BQC								
1	20125554	Lê Trọng Nghĩa	25/02/2002	Nam	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.1426
DH20HT								
1	20139341	Võ Ngọc Cát Thuyền	09/07/2002	Nữ	2.43	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1427
DH20VT								
1	20125462	Nguyễn Huỳnh Tấn Kiệt	08/02/2002	Nam	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.1428

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21BQC								
1	21125594	Lê Đỗ Ngọc	Đức	Nam	2.96	159	Khá	KS.NLU.2026.1429
2	21125626	Huỳnh Ngọc	Hân	Nữ	2.89	159	Khá	KS.NLU.2026.1430
3	21125685	Đào Thị Ngọc	Huyền	Nữ	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1431
4	21125809	Vũ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	3.21	159	Giỏi	KS.NLU.2026.1432
5	21125800	Ngô Hồng	Ngọc	Nữ	2.93	159	Khá	KS.NLU.2026.1433
6	21125815	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	2.50	159	Khá	KS.NLU.2026.1434
7	21125732	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	3.32	159	Giỏi	KS.NLU.2026.1435
DH21DD								
1	21125082	Nguyễn Thị Anh	Giao	Nữ	2.21	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1436
2	21129680	Đỗ Hữu	Huy	Nam	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.1437
3	21125256	Đinh Thị Yến	Nhi	Nữ	2.49	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1438
4	21129615	Trần Văn	Trung	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.1439
DH21HD								
1	21139262	Hoàng Thị Thùy	Dương	Nữ	2.71	159	Khá	KS.NLU.2026.1440
2	21139306	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	2.98	159	Khá	KS.NLU.2026.1441
3	21139354	Nguyễn Ngọc Tuyết	Ngân	Nữ	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.1442
4	21139403	Trần Anh	Phụng	Nam	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.1443
DH21HS								
1	21139291	Nguyễn Hoàng	Hiếu	Nam	2.26	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1444
DH21HT								
1	21139260	Phan Thành	Được	Nam	2.95	159	Khá	KS.NLU.2026.1445
2	21139280	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1446
3	21139282	Phan Lê Ngọc	Hân	Nữ	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1447
4	21139343	Ngô Thị	Nà	Nữ	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.1448
5	21139346	Đỗ Thị Ngọc	Nga	Nữ	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.1449
6	21139355	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	2.50	160	Khá	KS.NLU.2026.1450



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	21139446	Trần Nguyễn Anh Thư	19/06/2003	Nữ	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1451
DH21VT								
1	21129812	Nguyễn Thị Kim Nguyên	18/07/2003	Nữ	2.90	159	Khá	KS.NLU.2026.1452
2	21125265	Bùi Ngọc Quỳnh Như	19/11/2003	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.1453
3	21125289	Nguyễn Tấn Phong	21/04/2003	Nam	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.1454
4	21129869	Nguyễn Trương Ái Phương	21/04/2003	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.1455
5	21125358	Trần Thị Ngọc Thảo	13/01/2003	Nữ	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.1456
6	21129002	Thị Hồng Trang	29/07/2003	Nữ	3.03	158	Khá	KS.NLU.2026.1457
DH22BQ								
1	22129064	Lê Thị Ngọc Hân	11/11/2004	Nữ	3.22	160	Giỏi	KS.NLU.2026.1458
2	22129124	Hà Thị Thu Kiều	04/01/2004	Nữ	3.16	160	Khá	KS.NLU.2026.1459
3	22129328	Lê Thị Thuỳ Trang	19/04/2004	Nữ	3.24	160	Giỏi	KS.NLU.2026.1460
DH22HT								
1	22139103	Nguyễn Thành Tân	13/09/2004	Nam	2.82	158	Khá	KS.NLU.2026.1461
Thủy sản								
DH18NT								
1	18116029	Nguyễn Phi Hùng	07/03/2000	Nam	2.38	137	Trung bình	KS.NLU.2026.1462
DH19CT								
1	19117037	Nguyễn Thị Lệ	29/08/2001	Nữ	2.61	136	Khá	KS.NLU.2026.1463
DH20KS								
1	20116288	Nguyễn Thị Phương Uyên	19/04/2002	Nữ	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1464
DH20NTNT								
1	20116306	Nguyễn Hữu Tuấn Phương	17/04/2002	Nữ	2.52	159	Khá	KS.NLU.2026.1465
DH21CT								
1	21117064	Phan Ngọc Đại	23/11/2003	Nam	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.1466
2	21117074	Nguyễn Văn Huy Hoàng	15/07/2003	Nam	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.1467
3	21117013	Nguyễn Thị Thanh Huệ	10/08/2003	Nữ	2.78	159	Khá	KS.NLU.2026.1468

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	21117031	Võ Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	2.55	159	Khá	KS.NLU.2026.1469
DH21NT								
1	21116132	Trần Tấn	Đạt	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1470
2	21116150	Lê Thị Ngọc	Hương	Nữ	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.1471
3	21116192	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.1472
4	21116058	Lê Duy	Phong	Nam	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.1473
DH21NY								
1	21116060	Đặng Hoàng	Phúc	Nam	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.1474
2	21116069	Nguyễn Thị Hồng	Sương	Nữ	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.1475

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn